

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 122/2019/DS-PT

Ngày : 23/5/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Hoàng Thị Thu Lan

Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Quốc Thái

Bà Ngô Thị Thu Thiện

- Thư ký phiên tòa :

Bà Hoàng Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án
nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội :

Ông Nguyễn Mạnh Thắng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 142/2019/QĐXX-PT ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần T .

Địa chỉ: Số 191 BT, phường L, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. **Người đại diện theo ủy quyền:** Bà Trịnh Thị M - Cán bộ xử lý nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần T .

Bị đơn: Ông Vũ Xuân T, sinh năm 1968

Bà Lê Thị H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số nhà 08 Phố G, thị trấn T, huyện T, Hà Nội

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Tạ Thị L, sinh năm 1949

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, Hà Nội

Nơi ở hiện nay: Số nhà 11 ngõ 71 GQ, tổ 1 T, quận L, Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tạ Thị L:

Bà Lê Thị T và ông Đỗ Đức B- Luật sư thuộc Công ty Luật BN, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Phòng 306 tầng 3, Tòa nhà số 8 LH, quận B, Hà Nội.

Người kháng cáo:

Ông Vũ Xuân T, bà Lê Thị H - Bị đơn

Bà Tạ Thị L - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/2/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng T do người đại diện theo ủy quyền trình bày :

Ngày 28/9/2010 Ngân hàng T (T) và ông Vũ Xuân T, bà Lê Thị H đã ký kết Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 36977/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB và Khế ước nhận nợ số 36977 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 900.000.000đồng
- Mục đích vay: Tiêu dùng;
- Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên.
- Lãi suất vay: Lãi suất áp dụng kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 31/12/2012 là 15.8%/năm, lãi suất áp dụng đối với các khoản nợ cho thời gian tiếp theo sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần vào các ngày đầu quý và bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường 12 tháng loại lãi trả sau của T tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 6.5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được T quy định theo từng thời kỳ, từng đối tượng khách hàng, tương ứng với thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ tín dụng của ông Vũ Xuân T và bà Lê Thị H tại Ngân hàng T là: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 01, có diện tích 179 m²,; Mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, Thời hạn sử dụng: lâu dài, tại địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh H (cũ); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 824321; số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00042.QSĐĐ/1515.QĐUBNDH do UBND huyện T, tỉnh H (cũ) nay là thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2001 cho hộ ông Lê Văn C, đăng ký sang tên cho bên thế chấp ngày 08/9/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4744.2010/HĐTC-TCB ngày 24/9/2010 tại Văn phòng công chứng TL, thành phố Hà Nội giữa bà Tạ Thị L với Ngân hàng T.*

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Vũ Xuân T và bà Lê Thị H đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ. Ngân hàng đã gửi nhiều thông báo, công văn yêu cầu ông Vũ Xuân T và bà Lê Thị H trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định, nhưng ông Vũ Xuân T và bà Lê Thị H không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ bảo đảm tại các Hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Dư nợ của ông Vũ Xuân T và bà Lê Thị H tạm tính đến ngày 06/6/2018 như sau: Nợ gốc: 697.500.000 đồng; Nợ lãi: 886.401.312 đồng (Lãi

trong hạn 352.098.350đồng; Lãi quá hạn 287.759.790đồng; lãi phạt 246.543.172đồng); Tổng nợ: 1.583.901.312 đồng.

Ngân hàng T đề nghị Tòa giải quyết các vấn đề sau: Buộc ông Vũ Xuân T và bà Lê Thị H phải thanh toán cho T số tiền: 1.583.901.312đồng, bao gồm: nợ gốc là 697.500.000 đồng; nợ lãi là 886.401.312 đồng và lãi phát sinh từ ngày 07/6/2018 đến khi tất toán khoản vay. Kể từ ngày Quyết định/bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Vũ Xuân T và bà Lê Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án hoặc Văn phòng thừa phát lại tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Vũ Xuân T và bà Lê Thị H đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Vũ Xuân T và bà Lê Thị H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên toà sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả gốc và lãi còn lại tính đến ngày 16/10/2018 gồm: Tiền gốc là 697.500.000đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn là 689.248.000đồng. Tổng số tiền phải trả là 1.386.748.074đồng và không yêu cầu bị đơn trả lãi phạt số tiền là 274.615.318đồng .

Bị đơn: ông Vũ Xuân T và bà Lê Thị H trình bày:

Ông Vũ Xuân T và bà Lê Thị H xác nhận khoản nợ đối với Ngân hàng T, tổng số tiền ông T, bà H còn nợ đối với T tạm tính đến ngày 06/6/2018 là 1.583.401.312 đồng, bao gồm: nợ gốc là 697.500.000 đồng; nợ lãi là 886.401.312 đồng. Tuy nhiên, do việc làm ăn thua lỗ, gia đình có công việc đột xuất nên ông T, bà H không có đủ điều kiện để thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho T đúng với thỏa thuận trong Hợp đồng.

Ông T, bà H đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ khoản tiền lãi. Đối với nợ gốc ông T, bà H xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000đồng, mong Ngân hàng tạo điều kiện giúp đỡ ông bà. Nếu ông bà vi phạm bất kỳ một kỳ thanh toán như đã cam kết nêu trên thì T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Tạ Thị L trình bày:

Bà L xác nhận để đảm bảo khoản vay của ông T, bà H, bà L đồng ý thế chấp tài sản của bà là *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 01, có diện tích 179 m²; Mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, Thời hạn sử dụng: lâu dài, tại địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh H (cũ); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 824321; sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00042.QSĐĐ/1515.QĐUBNDH do UBND huyện T, tỉnh H (cũ) nay là thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2001 cho hộ ông Lê Văn C, đăng ký sang*

tên cho bên thế chấp ngày 08/9/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4744.2010/HĐTC-TCB ngày 24/9/2010 tại Văn phòng công chứng TL, thành phố Hà Nội giữa bà Tạ Thị L với Ngân hàng T. Bà L xác nhận chữ ký trong hợp đồng thế chấp là của Bà L ký kết tự nguyện, không ai ép buộc.

Bà L có quan điểm đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông T, bà H trả nợ gốc cho Ngân hàng và xin toàn bộ nợ lãi của Ngân hàng do việc làm ăn của ông T, bà H thua lỗ.

Tại Bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với ông Vũ Xuân T, bà Lê Thị H.

2. Buộc ông Vũ Xuân T, bà Lê Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng T, trong đó; Nợ gốc là 697.500.000 đồng, nợ lãi là 689.248.074 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 1.386.748.074 đồng. Tiếp tục tính lãi từ ngày 17/10/2018 theo mức lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4474.2010/HĐTC-TCB ngày 24/9/2010 tại Văn phòng công chứng TL, thành phố Hà Nội giữa cụ Tạ Thị L với Ngân hàng T, là *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 01, có diện tích 179 m²,; Mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, Thời hạn sử dụng: lâu dài, tại địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh H (cũ); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 824321; số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00042.QSĐĐ/1515.QĐUBNDH do UBND huyện T, tỉnh H (cũ) nay là thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2001 cho hộ ông Lê Văn C, đăng ký sang tên cho bên thế chấp ngày 08/9/2010;*

3. Chấp nhận đề nghị của Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phạt là 274.615.318 đồng, cho gia đình ông T, bà H.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự, ...

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2018 bị đơn là ông Vũ Xuân T, bà Lê Thị H kháng cáo đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ khoản tiền nợ gốc mỗi tháng 10.000.000 đồng. Ông T, bà H không đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ với lý do tài sản thế chấp là tài sản chung của bà Tạ Thị L và các con, bà L chỉ là người đại diện đứng tên tài sản thế chấp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tạ Thị L kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập các thành viên trong hộ gia đình bà L tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng dân sự, gây thiệt hại đến quyền lợi của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo. Các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tạ Thị L trình bày:

Thửa đất số 99, tờ bản đồ số 01, có diện tích 179 m² tại địa chỉ: xã N, huyện T, Hà Nội được UBND huyện T, tỉnh H (cũ) nay là thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/12/2001 đứng tên hộ ông Lê Văn C, là tài sản chung của các thành viên hộ gia đình có 4 nhân khẩu gồm: ông C, vợ là Tạ Thị L và 2 người con là Lê Tuấn K, Lê Tuấn D. Vợ chồng ông C có 6 người con, ông C chết năm 2007, nên tài sản thế chấp là tài sản chung của bà L và 6 người con. Bà L chỉ là người đại diện cho các thừa kế đứng tên trong giấy CNQSDĐ, bà L không có quyền tự mình định đoạt, thế chấp thửa đất trên cho ngân hàng, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập đầy đủ các con bà L tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng dân sự, làm thiệt hại đến quyền lợi của họ. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm do việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Xuân T, bà Lê Thị H và bà Tạ Thị L. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

- Đối với Hợp đồng tín dụng:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 28/9/2010 ông Vũ Xuân T, bà Lê Thị H đã ký kết Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 36977/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB và Khế ước nhận nợ số 36977 với Ngân hàng T để vay số tiền 900.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng, thời hạn vay là 120 tháng... Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ. Tính đến ngày 16/10/2018, ông T và bà H còn nợ Ngân hàng T số tiền gốc là 697.500.000 đồng,

nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 689.248.074 đồng. Tổng cộng là 1.386.748.074 đồng (*Một tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, không trăm bảy tư đồng*).

Ông T, bà H kháng cáo đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ khoản tiền lãi cho ông bà và cho phép ông bà được trả nợ dần khoản tiền nợ gốc mỗi tháng 10.000.000đồng, nhưng phía Ngân hàng không đồng ý, do đó không chấp nhận kháng cáo trên của ông T, bà H.

- Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản:

Để đảm bảo cho khoản vay của của ông T, bà H, ngày 24/9/2010 bà Tạ Thị L và Ngân hàng T đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4474.2010/HĐTC-TCB tại Văn phòng công chứng TL, thành phố Hà Nội. Tài sản thế chấp là *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 01, có diện tích 179 m²; Mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, Thời hạn sử dụng: lâu dài, tại địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh H (cũ); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 824321; số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00042.QSĐĐ/1515.QĐUBNDH do UBND huyện T, tỉnh H (cũ) nay là thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2001 cho hộ ông Lê Văn C, đăng ký sang tên cho bà Tạ Thị L ngày 08/9/2010;*

Xét thấy, tại thời điểm bà Tạ Thị L ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản cho Ngân hàng thì Thửa đất số 99, tờ bản đồ số 01, có diện tích 179 m² tại địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh H (cũ) đã được đăng ký sang tên cho bà Tạ Thị L và bà L là người đang quản lý sử dụng tài sản thế chấp. xác nhận chữ ký trong hợp đồng thế chấp là của bà L, việc ký kết hợp đồng là tự nguyện, không ai ép buộc. Hợp đồng thế chấp tuân thủ đúng quy định của pháp luật là hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến gì về việc tài sản thế chấp nêu trên là tài sản chung của bà L và 6 người con, hay ý kiến về việc bà L không có quyền tự mình thế chấp thửa đất trên cho ngân hàng. Do đó kháng cáo của bà L đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để đưa tất cả các con của bà L tham gia tố tụng vụ án là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Từ nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Xuân T, bà Lê Thị H và bà Tạ Thị L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội

Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tạ Thị L tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

- Về án phí : Bà Lê Thị H, bà Tạ Thị L, mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng::

- Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với ông Vũ Xuân T, bà Lê Thị H.

2. Buộc ông Vũ Xuân T, bà Lê Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số số 36977/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB và Khế ước nhận nợ số 36977 ngày 28/9/2010 tính đến ngày 16/10/2018 là: Nợ gốc là 697.500.000đồng, nợ lãi là 689.248.074đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 1.386.748.074 đồng (*Một tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, không trăm bảy tư đồng*).

Từ ngày 17/10/2018 ông T, bà H còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp ông Vũ Xuân T và bà Lê Thị H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 01, diện tích 179 m²; Mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, Thời hạn sử dụng: lâu dài, tại địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh H (cũ); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 824321; vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00042.QSĐĐ/1515.QĐUBNDH do UBND huyện T, tỉnh H (cũ) nay là thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2001 cho hộ ông Lê Văn C, đăng ký sang tên cho bà

Tạ Thị L ngày 08/9/2010 để thu hồi nợ, theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ký kết ngày 24/9/2010 giữa bà Tạ Thị L và Ngân hàng T, số công chứng 4474.2010/HĐTC-TCB tại Văn phòng công chứng TL, thành phố Hà Nội.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Vũ Xuân T và bà Lê Thị H đối với Ngân hàng T. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T và bà Thuyết vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng T.

3. Chấp nhận đề nghị của Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phạt là 274.615.318 đồng cho gia đình ông T, bà H.

4. Về án phí:

- Ông Vũ Xuân T, bà Lê Thị H phải liên đới nộp 53.605.000 đồng (*Năm mươi ba triệu, sáu trăm linh năm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng T tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0006856 ngày 15/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội.

- Bà Lê Thị H, bà Tạ Thị L mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007016 và 0007017 ngày 22/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận :

- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Thị Thu Lan